



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Damac GLS

Ngày 31/12/2024	400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần Q4/24
0
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
0.00
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.05 96.9%

LN sau thuế Q4/24
0.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01 80.1%
YoY: ▲ 0.05 96.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2024

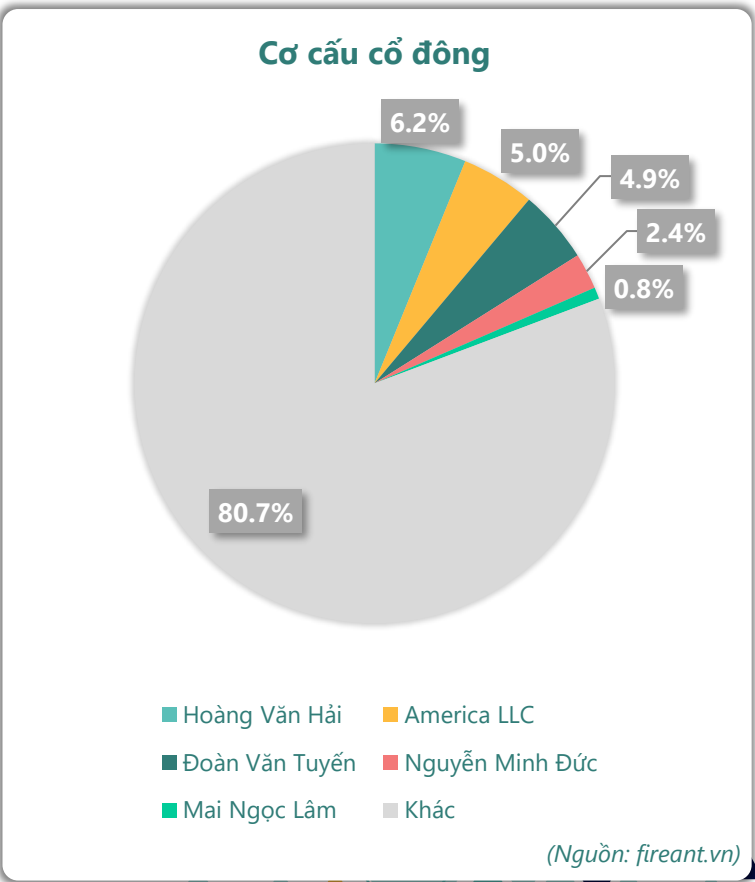
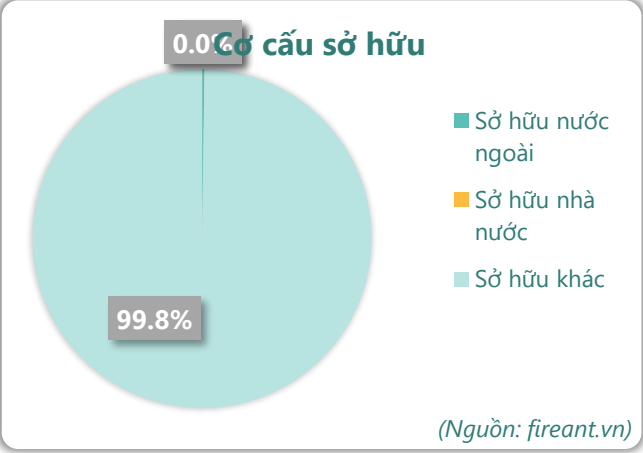
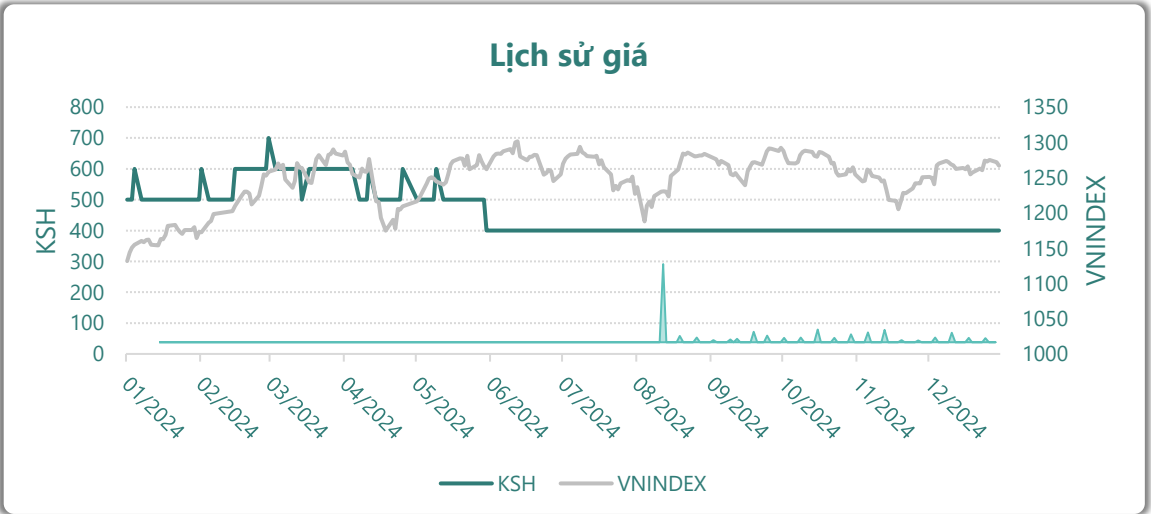
ROE 2024
0.0%
YoY: +/- ▲ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	400 - 700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
Số lượng CPLH (CP)	57,509,675
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	-
EPS	-1
P/E	-395.0

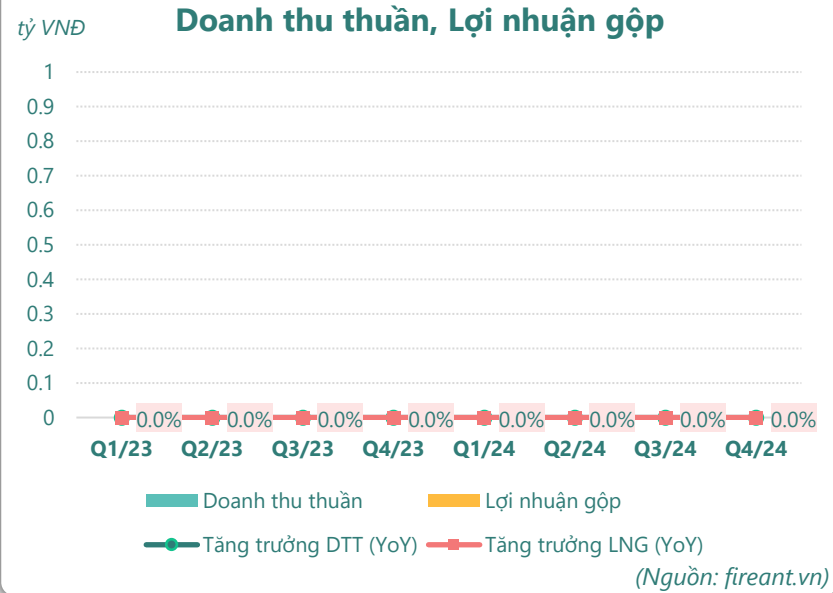
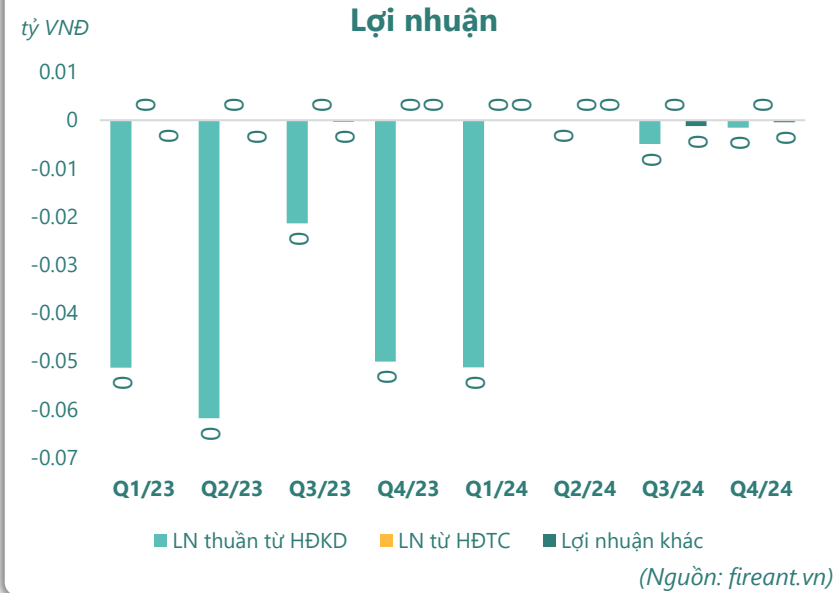
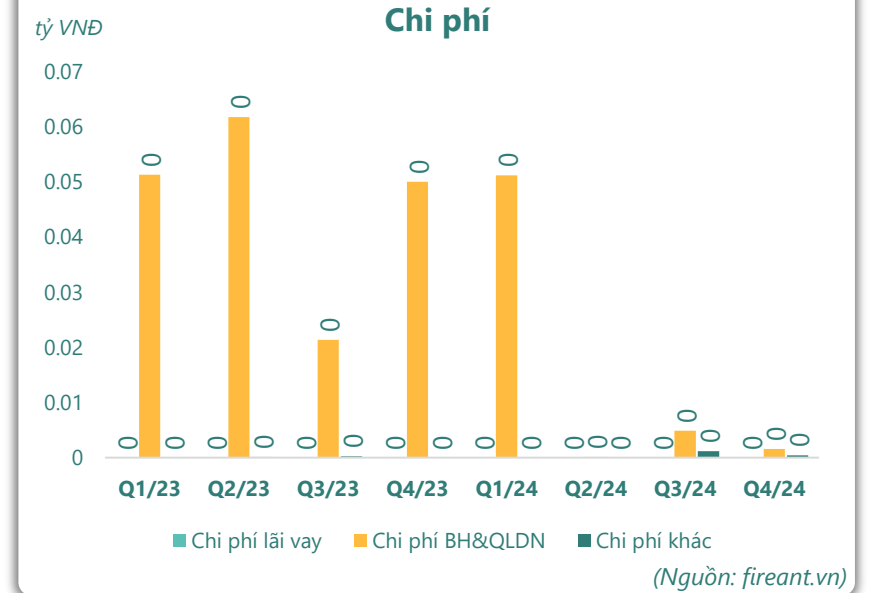
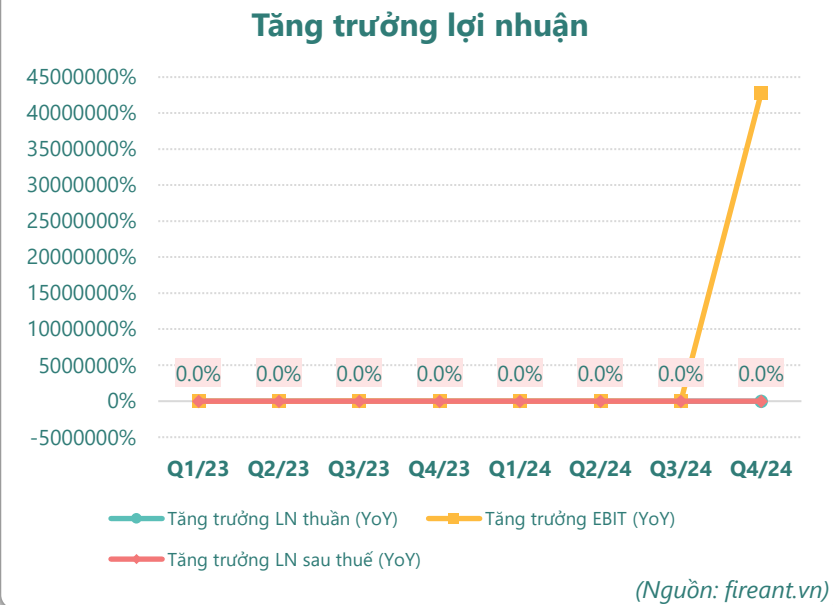
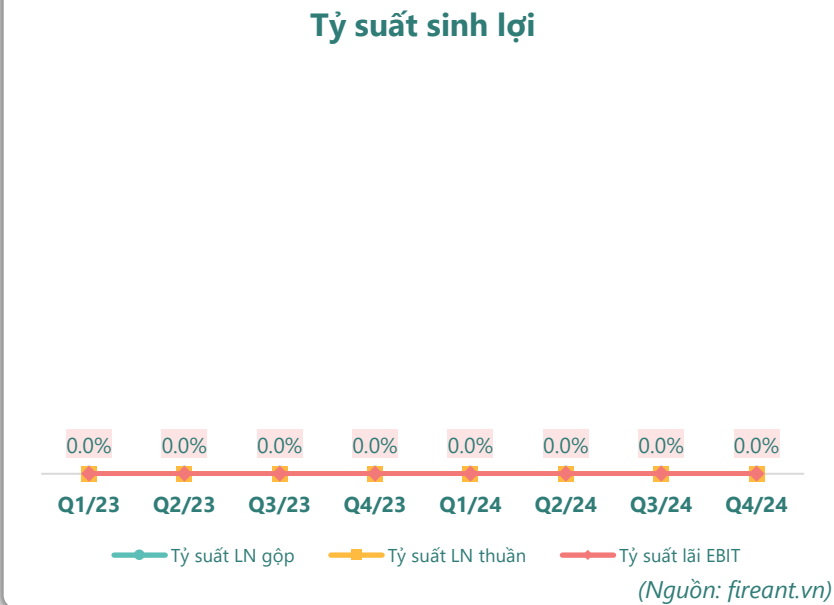
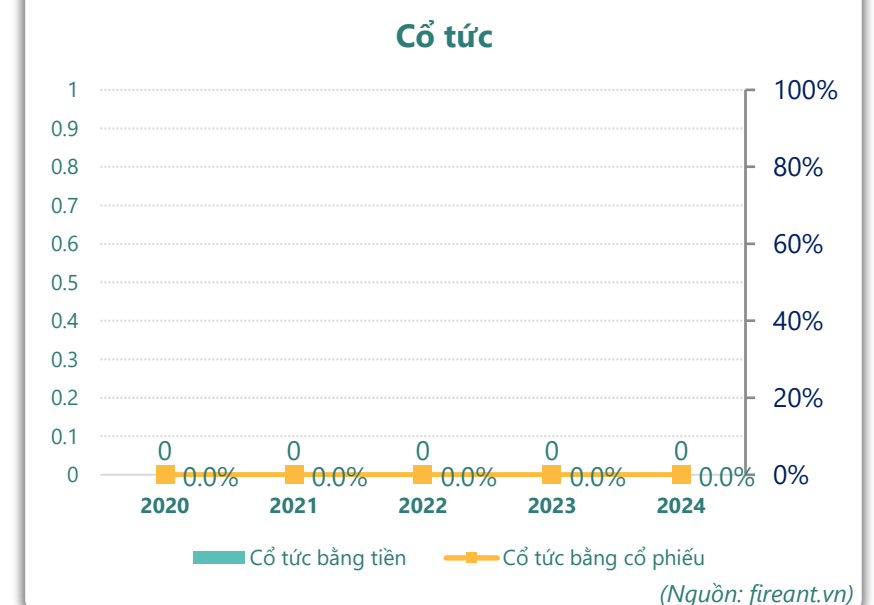
DT thuần 2024
0
tỷ VNĐ

LN thuần 2024
-0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.12 68.7%

LN sau thuế 2024
-0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.13 67.9%



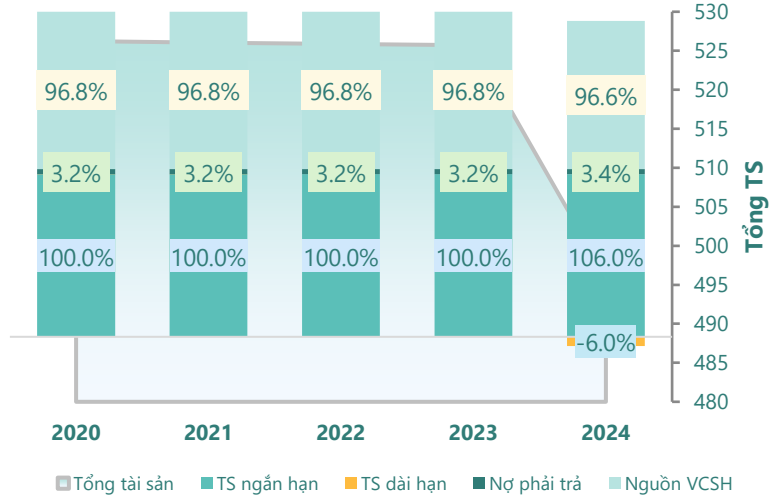
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

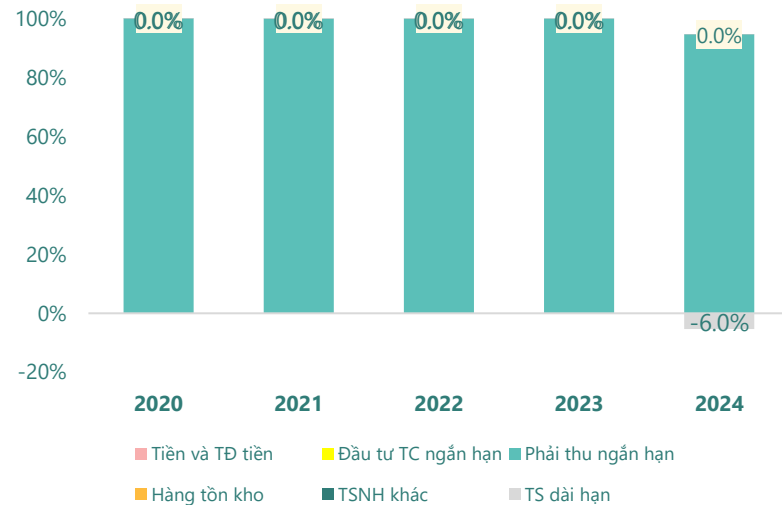
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

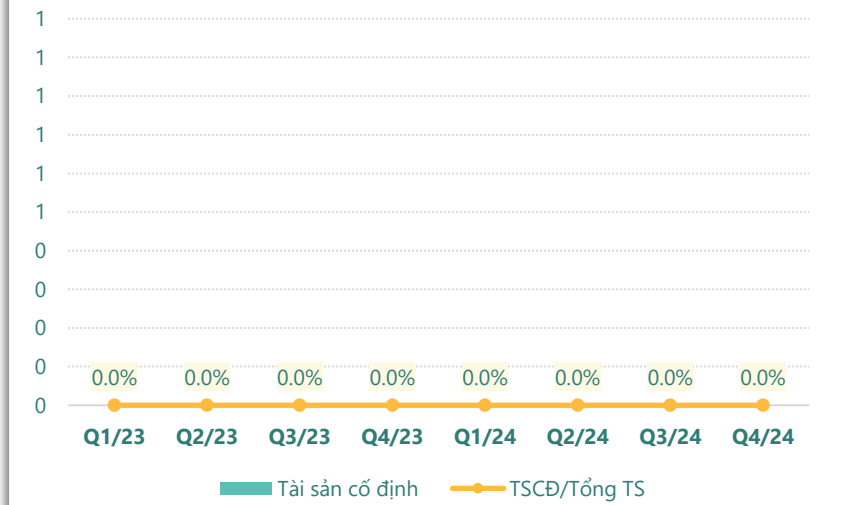
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

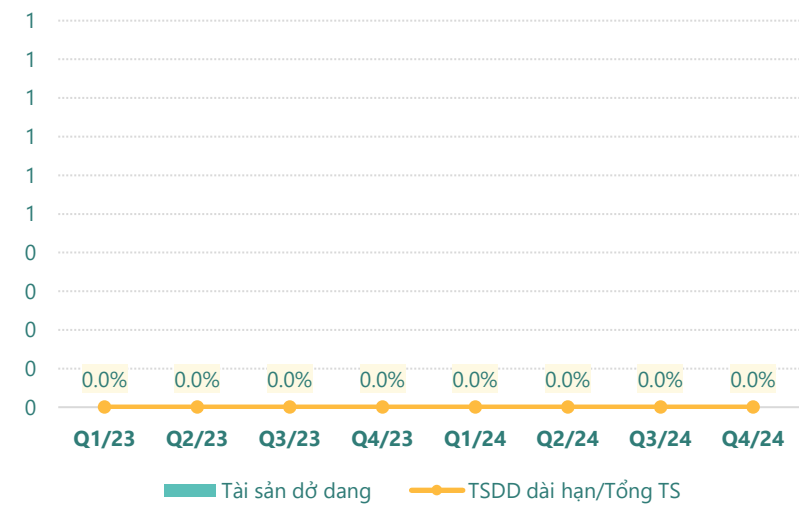
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

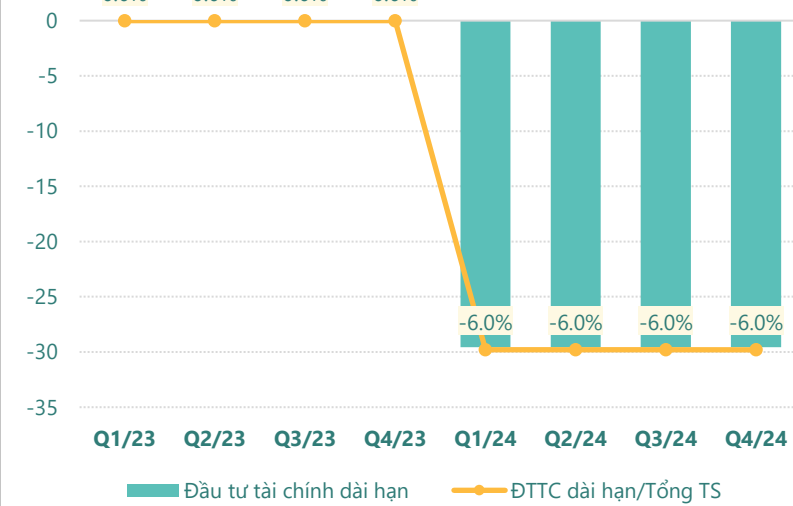
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

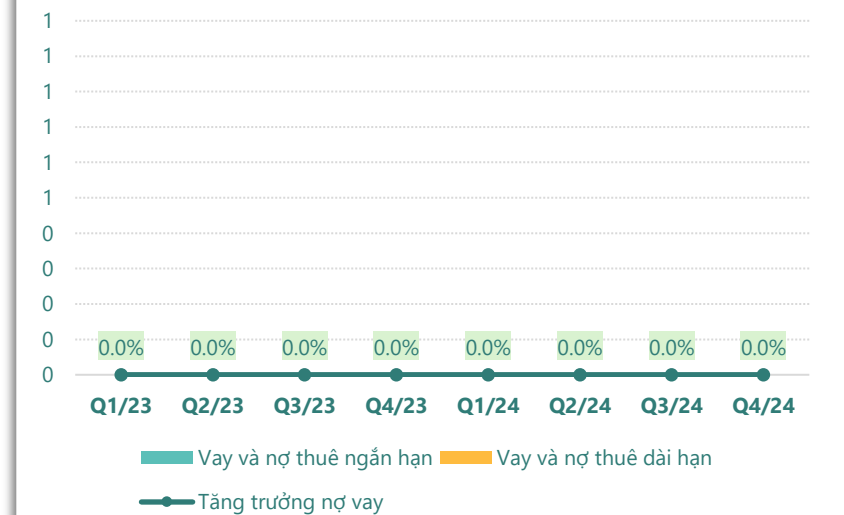
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

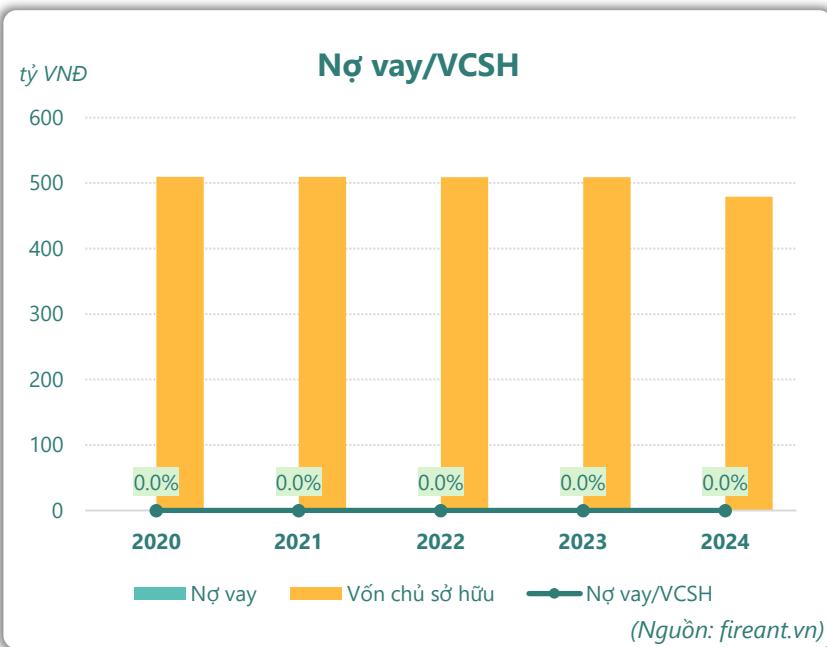
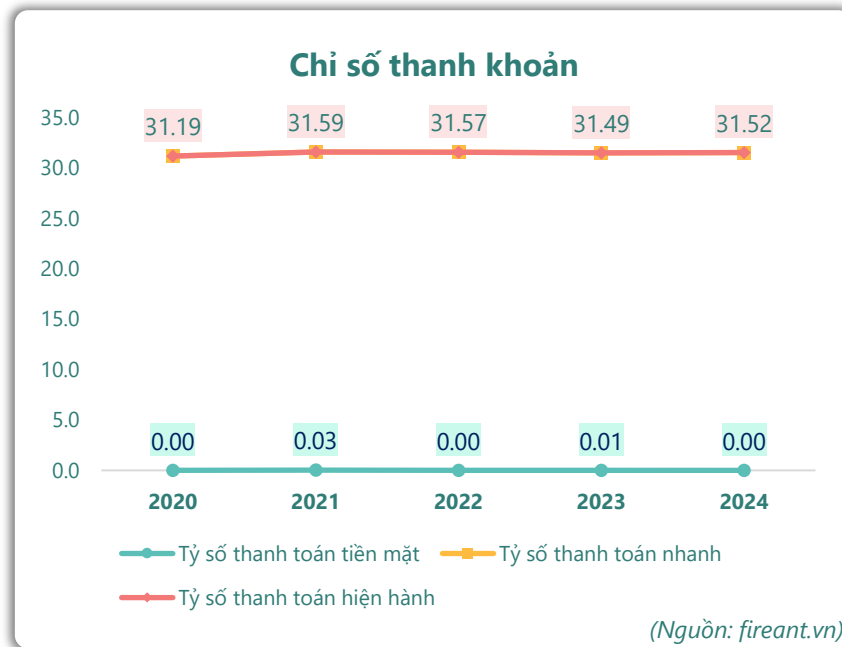
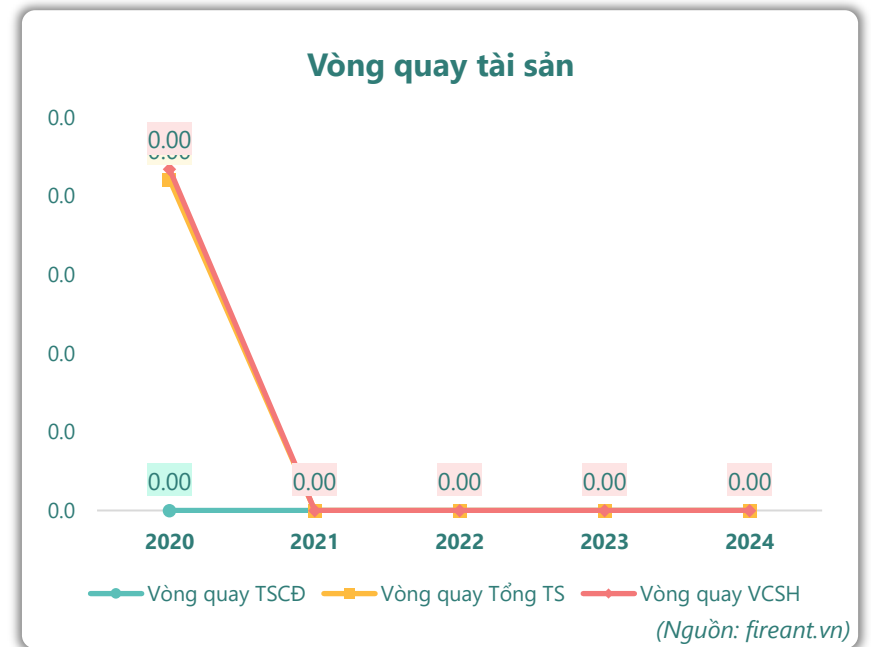
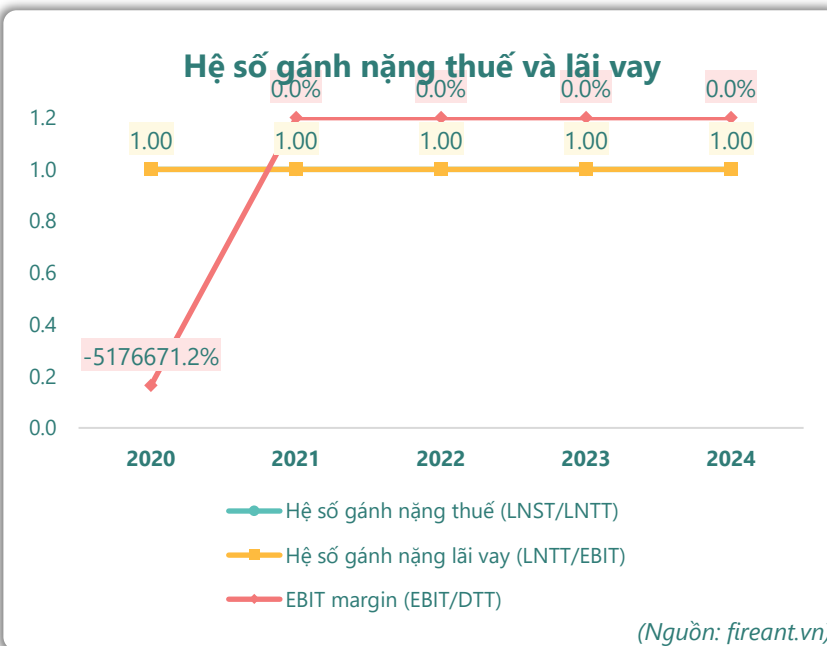
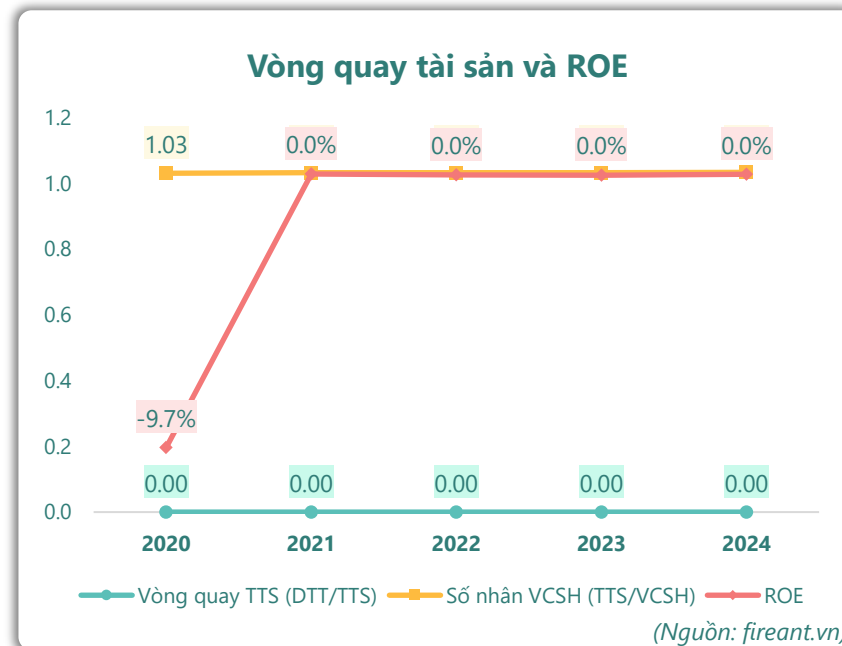
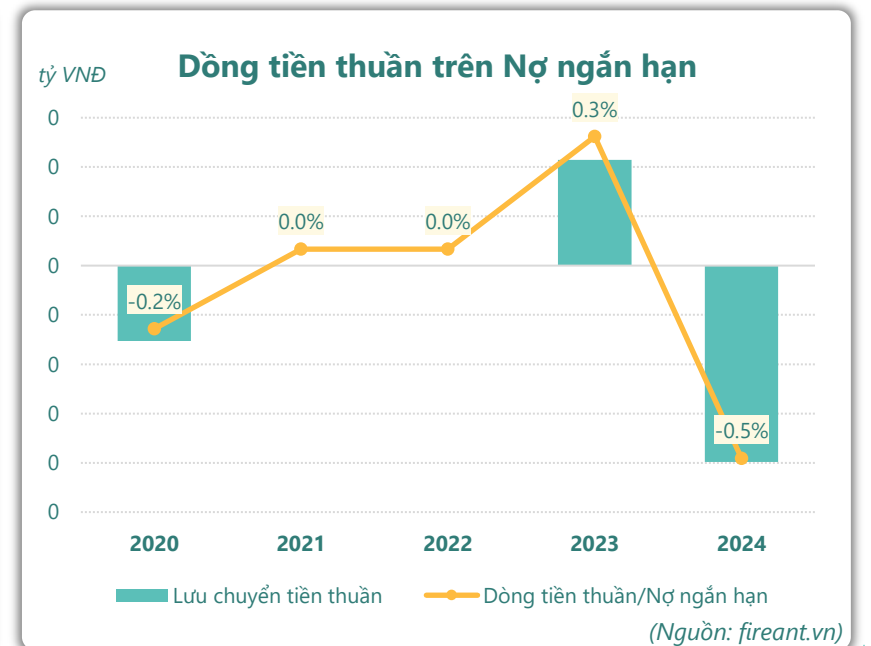
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0	0.00		0	0	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0	0.00		0.00	0.00	-60.7%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.00	0.05	-96.9%	0.06	0.18	-68.7%
LN thuần từ HĐKD	0.00	-0.05	96.9%	-0.06	-0.18	68.7%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	0.00	-269%
LN trước thuế	0.00	-0.05	96.0%	-0.06	-0.19	67.9%
Lợi nhuận sau thuế	0.00	-0.05	96.0%	-0.06	-0.19	67.9%
LNST của CĐ cty mẹ	0.00	-0.05	96.0%	-0.06	-0.18	68.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.04	-0.04	-0.03	-0.01	-0.01	-0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.18	0.13	0.09	0.05	0.05	0.03
Lưu chuyển tiền thuần	-0.04	-0.04	-0.03	-0.01	-0.01	-0.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	0.13	0.09	0.05	0.05	0.03	0.01

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	496	526	-5.6%
Tài sản ngắn hạn	526	526	0.0%
Tiền và tương đương tiền	0.01	0.09	-86.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	526	526	0.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.12	0.0%
Tài sản dài hạn	-29.6	0	
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	-29.6	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.7	16.7	-0.1%
Nợ ngắn hạn	16.7	16.7	-0.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.3	15.3	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	479	509	-5.8%
Vốn chủ sở hữu	479	509	-5.8%
Vốn điều lệ	575	575	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

